ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 22/12/2014 **Tiết:** 2-4
Phòng: GDB2A **Tỷ lệ:** ~~75%~~ 100%
Mã MH: 202010 **Số TC:** 2.0
Nhóm-tổ: A02-A

MÔN HỌC: Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén
CBGD: Tôn Thiện Phương - 002201

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	21200145	Huỳnh Thiện	Ân			6,5	Sáu rưỡi	
2	21200328	Quách Việt	Châu			13	Mười ba	
3	21200341	Phạm Thành	Chi			7,0	Bảy	
4	21100404	Nguyễn Thanh	Chương			2,5	Hai rưỡi	
5	21200395	Lê Chí	Công			7,5	Bảy rưỡi	
6	21200641	Lê Tâm	Dương			8,0	Tám	
7	21000836	Hoàng Văn	Hải			8,0	Tám	
8	21101072	Trần Danh	Hậu			7,0	Bảy	
9	21201159	Trần Minh	Hiển			7,5	Bảy rưỡi	
10	21201448	Lê Văn	Hùng			6,0	Sáu	
11	21201459	Nguyễn Minh	Hùng			7,5	Bảy rưỡi	
12	21201350	Lê Mai Quốc	Huy			6,0	Sáu	
13	21201396	Trần Khai	Huy			6,0	Sáu	
14	21201494	Lê	Hưng			4,0	Bốn	
15	20901226	Hồ Đăng	Khoa			5,5	Năm rưỡi	
16	21201691	Lê Anh	Khoa			6,5	Sáu rưỡi	
17	21201747	Phan Nguyễn Đăng	Khôi			7,5	Bảy rưỡi	
18	21101750	Phan Thanh	Lai			7,0	Bảy	
19	21202067	Trần Công	Luật			6,5	Sáu rưỡi	
20	21202153	Nguyễn Nhật	Minh			5,5	Năm rưỡi	
21	21202231	ĐinhCôngNguyễnHải	Nam			6,0	Sáu	
22	21202258	Nguyễn Hoàng	Nam			6,5	Sáu rưỡi	
23	21102232	Nguyễn Văn	Nghĩa			13	Mười ba	
24	21202705	Nguyễn Đình	Phi			6,5	Sáu rưỡi	
25	21202753	Lê Lâm	Phú			7,0	Bảy	
26	21102582	Phạm An	Phú			7,0	Bảy	
27	21202851	Nguyễn Đồng	Phương			4,5	Bốn rưỡi	
28	21203105	Trần Thanh	Sang			6,5	Sáu rưỡi	
29	21102916	Đỗ Ngọc	Sơn					Rút MH
30	21203184	Trần Cao	Sơn			5,5	Năm rưỡi	
31	21203229	Nguyễn Thành	Tài			7,0	Bảy	
32	21203375	Phạm Cao	Thái			6,0	Sáu	
33	21103368	Nguyễn Hoàn	Thiện			6,0	Sáu	
34	21203621	Nguyễn Đức	Thịnh			3,0	Ba	
35	21203653	Bùi Văn	Thông			7,0	Bảy	
36	21203711	Trần Duy	Thuật			7,5	Bảy rưỡi	
37	21203847	Võ Văn	Tiến			6,5	Sáu rưỡi	
38	21204200	Đặng Đức	Trường			7,0	Bảy	
39	21003706	Ngô Ngọc	Trường			4,5	Bốn rưỡi	
40	21204291	Nguyễn Quốc	Tuấn			3,5	Ba rưỡi	

*Danh sách này có **40** sinh viên. In ngày **12/11/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **05/01/2015**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Trần Nguyên Duy Phương

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

Trần-Nguyễn-Duy Phương

Ngày nộp: 06/01/15

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 22/12/2014 **Tiết:** 2-4
Phòng: GDB2A **Tỷ lệ:** ~~75%~~ 100%
Mã MH: 202010 **Số TC:** 2.0
Nhóm-tổ: A02-B

MÔN HỌC: Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén
CBGD: Tôn Thiện Phương - 002201

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	1420003	Đặng Hoàng	Anh			13	Mười ba	
2	21100154	Trần Tuấn	Anh			4,5	Bốn rưỡi	
3	21100648	Trịnh Trọng	Dũng					Rút MH
4	20900887	Nguyễn Hữu	Hoài			6,5	Sáu rưỡi	
5	21201516	Tống Phước	Hưng			6,0	Sáu	
6	211T4098	Nguyễn Duy Minh	Khánh			6,5	Sáu rưỡi	
7	21201994	Võ Thanh	Long			13	Mười ba	
8	21102497	Đỗ Thế	Phát			6,5	Sáu rưỡi	
9	1420088	Lương Thanh	Sang			13	Mười ba	
10	21303409	Lê Ngọc	Sơn			7,5	Bảy rưỡi	
11	21203165	Nguyễn Hải	Sơn			5,5	Năm rưỡi	
12	21203515	Nguyễn Quang	Thắng			8,0	Tám	
13	21203825	Nguyễn Minh	Tiến			8,5	Tám rưỡi	

*Danh sách này có **13** sinh viên. In ngày **12/11/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **05/01/2015**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Trần Nguyên Duy Phương

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

Ngày nộp: 06 / 01 / 15

<CK - 6/327>

Môn học: Kỹ thuật Thủy lực & Khí nén

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Điểm GK 25%	Điểm CK 75%	Tổng kết GK+CK(100%)	Ghi chú
1	21200145	Huỳnh Thiện	Ân	6	6.5	**6.5**	
2	21200328	Quách Việt	Châu				Vắng
3	21200341	Phạm Thành	Chi	6.5	7	**7.0**	
4	21100404	Nguyễn Thanh	Chương	1.5	3	**2.5**	
5	21200395	Lê Chí	Công	6.5	7.5	**7.5**	
6	21200641	Lê Tâm	Dương	8	8	**8.0**	
7	21000836	Hoàng Văn	Hải	10	7	**8.0**	
8	21101072	Trần Danh	Hậu	8	6.5	**7.0**	
9	21201159	Trần Minh	Hiển	7	7.5	**7.5**	
10	21201448	Lê Văn	Hùng	5	6	**6.0**	
11	21201459	Nguyễn Minh	Hùng	9	7	**7.5**	
12	21201350	Lê Mai Quốc	Huy	8	5.5	**6.0**	
13	21201396	Trần Khai	Huy	5	6	**6.0**	
14	21201494	Lê	Hưng	3.5	4	**4.0**	
15	20901226	Hồ Đăng	Khoa	3	6	**5.5**	
16	21201691	Lê Anh	Khoa	6	6.5	**6.5**	
17	21201747	Phan Nguyễn Đăng	Khôi	8	7.5	**7.5**	
18	21101750	Phan Thanh	Lai	10	6	**7.0**	
19	21202067	Trần Công	Luật	7	6	**6.5**	
20	21202153	Nguyễn Nhật	Minh	6.5	5	**5.5**	
21	21202231	ĐinhCôngNguyễnHải	Nam	5	6.5	**6.0**	
22	21202258	Nguyễn Hoàng	Nam	8	6	**6.5**	
23	21102232	Nguyễn Văn	Nghĩa				Vắng
24	21202705	Nguyễn Đình	Phi	6	6.5	**6.5**	
25	21202753	Lê Lâm	Phú	6	7	**7.0**	
26	21102582	Phạm An	Phú	7.5	6.5	**7.0**	
27	21202851	Nguyễn Đồng	Phương	8	3	**4.5**	
28	21203105	Trần Thanh	Sang	8	6	**6.5**	
29	21102916	Đỗ Ngọc	Sơn				Rút MH
30	21203184	Trần Cao	Sơn	6.5	5	**5.5**	
31	21203229	Nguyễn Thành	Tài	7.5	6.5	**7.0**	
32	21203375	Phạm Cao	Thái	3.5	6.5	**6.0**	
33	21103368	Nguyễn Hoàn	Thiện	8	5.5	**6.0**	
34	21203621	Nguyễn Đức	Thịnh	6	2	**3.0**	
35	21203653	Bùi Văn	Thông	5.5	7.5	**7.0**	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Điểm GK 25%	Điểm CK 75%	Tổng kết GK+CK	Ghi chú
36	21203711	Trần Duy	Thuật	8	7.5	**7.5**	
37	21203847	Võ Văn	Tiến	7.5	6	**6.5**	
38	21204200	Đặng Đức	Trường	4.5	7.5	**7.0**	
39	21003706	Ngô Ngọc	Trường	5	4	**4.5**	
40	21204291	Nguyễn Quốc	Tuấn	2	4	**3.5**	
41	1420003	Đặng Hoàng	Anh	3.5			Vắng
42	21100154	Trần Tuấn	Anh	6.5	4	**4.5**	
43	21100648	Trịnh Trọng	Dũng				Rút MH
44	20900887	Nguyễn Hữu	Hoài	8	6	**6.5**	
45	21201516	Tống Phước	Hưng	4.5	6.5	**6.0**	
46	211T4098	Nguyễn Duy Minh	Khánh	8.5	6	**6.5**	
47	21201994	Võ Thanh	Long				Vắng
48	21102497	Đỗ Thế	Phát	7	6.5	**6.5**	
49	1420088	Lương Thanh	Sang	5			Vắng
50	21303409	Lê Ngọc	Sơn	6.5	7.5	**7.5**	
51	21203165	Nguyễn Hải	Sơn	7.5	5	**5.5**	
52	21203515	Nguyễn Quang	Thắng	10	7	**8.0**	
53	21203825	Nguyễn Minh	Tiến	10	8	**8.5**	

TS. Tôn Thiện Phương